

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy. Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐHPT- HNGĐ ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; Sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K; Sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai Nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ

tình cảm từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/01/2013. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị H.

Nguyên vọng của chị H là yêu cầu nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn K vắng mặt và tại bản tự khai ngày 20/01/2022 anh K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K và chị H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã T, huyện T, tỉnh T. Tình cảm vợ chồng không tốt, không hạnh phúc. Năm 2018 vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống. Anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/01/2013.

Nguyên vọng của anh K để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/01/2013 còn cháu Nguyễn Hà V để anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2022 của con chung là cháu Nguyễn Hà V trình bày: Nguyên vọng của cháu là ở với bố. Tại Bản tự khai bổ sung ngày 14/6/2022 cháu Nguyễn Hà V trình bày nguyện vọng: Tại Bản tự khai lần trước cháu có nguyện vọng được ở với bố nhưng hiện tại bố cháu đã đi khỏi địa phương đi làm ăn xa không rõ địa chỉ. Hiện nay cháu đã về ở với mẹ và em trai nên cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ và em trai để cháu ổn định cuộc sống và học tập.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Bảo N trình bày: Nguyên vọng của cháu muốn được ở với mẹ.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm q khoản 1 điều 39; Điều 271; Điều 273; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Xét xử vắng mặt Bị đơn; Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn K; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 29/8/2011 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/01/2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh K và chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh Nguyễn Văn K có địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh T nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn K đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi cư trú. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn K và tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh K. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 và vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn K là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống trong khoảng thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị

H yêu cầu ly hôn và anh K cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/01/2013.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H thì HĐXX thấy rằng: Hiện tại anh K đi làm ăn xa, không cư trú tại địa phương, không rõ địa chỉ nên HĐXX không thể giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục như nguyện vọng của anh K được. Qua xác minh tại địa phương thì hiện tại chị H đã đón cả 02 con chung về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Anh K vẫn đi làm ăn xa chưa về. Tại bản tự khai bổ sung của cháu Nguyễn Hà V trình bày nguyện vọng được ở với mẹ và em trai để ổn định cuộc sống và học tập. Mặt khác chị H hiện tại có công việc ổn định, thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ nên đủ điều kiện nuôi con chung. HĐXX căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tố tụng: Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn K.

Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử lý hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/01/2013. Anh Nguyễn Văn K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn K được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014104 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chị Lê Thị H được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Phòng GDKTNV TAND tỉnh T
- Các DS
- UBND xã B, huyện T, tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng